TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31 /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lâm Thị Thanh Nhàn.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tống Kim Phượng
Ông Bùi Văn Mão

Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Phương Liên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Lê Đức Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026; về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 06 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/ QĐST- HNGĐ ngày 21/7/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; CCCD Số: 037194005468 cấp ngày 20/01/2023; Nơi thường trú: Phố H, phường H, tỉnh Ninh Bình;

Nơi tạm trú: nhà riêng Nguyễn Văn G, tổ A khu phố K, phường T, thành phố Hồ Chí Minh; (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: nhận văn bản tố tụng: Số E L, phường T, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh Bùi Văn A, sinh năm 1987; CCCD Số: 037087010598;

Địa chỉ: số nhà A, ngõ F, đường C, Phố H, phường H, tỉnh Ninh Bình .(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn A được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn ngày 17/04/2012 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình (Nay là xã C, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung

sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến hai vợ chồng to tiếng va chạm. bản thân anh A có thời gian sa đà vào chơi bời, không chú trọng vào làm ăn và thiếu sự quan tâm đến gia đình. Cả hai đã cố gắng hoà giải hàn gắn nhưng không được nên anh A và chị H đã sống ly thân nhau từ năm 2023 cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hoà giải hàn gắn được nên chị H làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với anh A.

Về con chung: chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn A có 03 con chung là cháu Bùi Hoàng C, sinh ngày 13/01/2013 và cháu Bùi Hoàng P, sinh ngày 28/12/2013. Cháu Bùi Hoàng G1 sinh ngày 25/02/2020. Hiên nay ba cháu đang ở vơi chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng muốn nuôi dưỡng cả ba cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nguyễn Thị H không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: chị Nguyễn Thị H không đề nghị toà án giải quyết.

Tại đơn xin xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn A vì tình cảm anh, chị không còn. Về con chung có 03 con chung là cháu Bùi Hoàng C, sinh ngày 13/01/2013 và cháu Bùi Hoàng P, sinh ngày 28/12/2013. Cháu Bùi Hoàng G1 sinh ngày 25/02/2020. Hiên nay ba cháu đang ở vơi chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng muốn nuôi dưỡng cả ba cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Lời trình bày của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Bùi Văn A mặc dù đã được Tòa án triệu tập và thông báo hợp lệ nhưng vẫn không có mặt và không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của anh A đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có) Quá trình giải quyết Tòa án nhân dân khu vực 1- Ninh Bình đã tiến hành làm việc trực tiếp với anh A tại địa phương tuy nhiên do anh A đi làm không có ở nhà nên đã làm việc thì anh trai của anh Bùi Văn A là anh Bùi Văn C1 đã có ý kiến trao đổi lại với Tòa án. Gia đình anh đã biết việc chị H xin ly hôn anh A nhưng nguyên nhân mâu thuẫn và sự việc phát sinh mâu thuẫn của anh chị thì gia đình anh không biết, hiện nay chị H đề nghị xin ly hôn anh A thì gia đình không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với con chung chị H và anh A có 03 con chung là cháu Bùi Hoàng C, sinh ngày 13/01/2013 và cháu Bùi Hoàng P, sinh ngày 28/12/2013. Cháu Bùi Hoàng G1 sinh ngày 25/02/2020. Hiện nay, cả ba cháu đang ở với mẹ. anh C1 sẽ nhận thay

toàn bộ các văn bản tố tụng và cam đoan thông báo cho anh A được biết. Tòa án nhân dân khu vực 1- Ninh Bình đã tiến hành xác minh và xác định được bị đơn Bùi Văn A có nơi cư trú: Phố H, phường H, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- N tham gia tố tụng tại phiên tòa giải quyết vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, Điều 35; khoản 1 điều 39; Điều 147, 227, 228 BLTTDS năm 2015; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, đề nghị HĐXX xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn A.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 cháu Bùi Hoàng C2, sinh ngày 13/01/2013, Bùi Hoàng Phát sinh ngày 28/12/2013, cháu Bùi Hoàng G1, sinh ngày 25/02/2020 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung Anh A được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản; các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000015393367 ngày 29/4/2026.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1].*Về áp dụng pháp luật tố tụng*:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn Tòa án nhân dân khu vực 1- Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải là có căn cứ.

Ngày 26/6/2026, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

- Anh Bùi Văn A là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh A theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2].*Về áp dụng pháp luật nội dung*:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn A được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 17/04/2012 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình (Nay là xã C, tỉnh Ninh Bình). trên cơ sở tự nguyện, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2012vào ngày 17/4/2012 đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị H và anh A chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến hai vợ chồng to tiếng va chạm. bản thân anh A có thời gian sa đà vào chơi bời, không chú trọng vào làm ăn và thiếu sự quan tâm đến gia đình. Cả hai đã cố gắng hoà giải hàn gắn nhưng không được nên anh A và chị H đã sống ly thân nhau từ năm 2023 cho đến nay. Chị H thấy cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn A. Quá trình làm việc với anh trai của anh A trình bày. Gia đình anh đã biết việc chị H xin ly hôn anh A nhưng nguyên nhân mâu thuẫn và sự việc phát sinh mâu thuẫn của anh chị thì gia đình anh không biết, hiện nay chị H đề nghị xin ly hôn anh A thì gia đình không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chính quyền địa phương nơi chị H và anh An cư T cũng xác nhận có đăng ký kết hôn hợp pháp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Sau khi đăng ký kết hôn chị H, anh An sinh S tại phường H, tỉnh Ninh Bình và đến nay anh A, chị H không sống chung với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh A và chị H thì địa phương không nắm rõ. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn A là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2].Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn A có 03 con chung cháu Bùi Hoàng C, sinh ngày 13/01/2013 và cháu Bùi Hoàng P, sinh ngày 28/12/2013. Cháu Bùi Hoàng G1 sinh ngày 25/02/2020; hiện nay cả ba cháu đang

ở với chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cả ba cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tại đơn nguyện vọng của cháu Bùi Hoàng C và Bùi Hoàng P cả hai cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và nguyện vọng được nuôi con của chị H là chính đáng nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Bùi Hoàng C, sinh ngày 13/01/2013 và cháu Bùi Hoàng P, sinh ngày 28/12/2013. Cháu Bùi Hoàng G1 sinh ngày 25/02/2020 đến khi cả ba cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Bùi Văn A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3].Về tài sản chung, công nợ chung: chị H không yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000015393367 ngày 29 tháng 04 năm 2026.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 35, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn đối với anh Bùi Văn A. Quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn A chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục các cháu Bùi Hoàng C, sinh ngày 13/01/2013 và cháu Bùi Hoàng P, sinh ngày 28/12/2013. Cháu Bùi Hoàng G1 sinh ngày 25/02/2020 cho đến khi cả ba cháu đủ 18 tuổi;

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung

"Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con"

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Tòa án không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000015393367 ngày 29 tháng 04 năm 2026.

Án xử công khai sơ thẩm chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND KV1- NB;*
- *THA tỉnh Ninh Bình;*
- *UBND phường (xã);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Thị Thanh Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Thị Thanh Nhàn